

Bản án số: 104/2021/HS-ST
Ngày: 28/6/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Quang Hiền

2- Bà Nguyễn Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Quốc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 99/2021/TLST- HS ngày 10 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

1. Nguyễn S; sinh năm: 1990; đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 4, phường D, quận B, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Kim O; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 161/2018/HSST ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hà Nội xử bị cáo 28 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ra trại ngày 14/5/2020 (chưa được xóa án tích); nhân thân: Bản án số 42/2010/HSST ngày 10/3/2010 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hà Nội xử bị cáo 05 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản. Ra trại ngày 12/06/2014 (bản án này đã được xóa án tích); ngày 01/7/2017, Công an phường V, quận Đ, Thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy mức phạt 1.500.000 đ (đã nộp ngày

09/10/2017) tiền sự này đã được xóa; bị cáo bị bắt và tạm giữ từ 01/04/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số II – Công an thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

2. Nguyễn Văn H; sinh năm: 1993; đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 24, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội; nghề ngH: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị Y; tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án số 304/2016/HSST ngày 16/12/2016 của Tòa án nhân quận B, Thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 28 tháng tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy (ra trại ngày 15/8/2018) chưa được xóa án tích; nhân thân: Tại bản án số 28/2021/HSST ngày 01/03/2021 của Tòa án nhân quận B, Thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; ngày 20/5/2015 bị Công an phường T xử phạt hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã hết thời hiệu); bị cáo bị bắt và tạm giữ từ 01/04/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số II – Công an Thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ngõ 15, phố Ngô Q, Thị trấn U, huyện L, Thành phố Hà Nội. “Vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lương Hồ D, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 20, phường M, quận B, Thành phố Hà Nội. “Có mặt”;

2. Anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 23, ngõ 105, tổ 4, phường Thạch Bàn, quận B, Thành phố Hà Nội. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn S và Nguyễn Văn H rủ nhau cùng đi trộm cắp xe máy. Khoảng 01 giờ ngày 30/03/2021, S điều khiển xe máy Wave màu đen BKS: 30K1 – 4xxx từ nhà tại tổ 20 D, B, Hà Nội đến nhà H ở tổ 24 T, B để đón H sau đó chở H đi xung quanh xem ai có sơ hở sẽ trộm cắp tài sản. Khi đi đến ngõ 15 Ngô Q, U, L thì S phát hiện ở trong sân một nhà trọ có 01 xe máy AirBlade màu đen – vàng – đồng vẫn đang có đèn, không người trông giữ. S dừng xe cách cổng nhà khoảng 02m, quan sát thấy cổng nhà được khóa bằng khóa dây, trong cổng có 01 thanh kim loại có 01 đầu chống vào cửa cổng, 01 đầu chống xuống đất. S và H dùng kìm, tô vít chọc vào bên cạnh ổ khóa để phá khóa, đi vào trong sân dắt chiếc xe máy ra ngoài. Do xe khóa điện nên S ngồi lên xe máy AirBlade vừa trộm cắp được, để H điều khiển xe máy Wave đi đằng sau dùng chân trái đẩy xe máy đi đến nhà của S. S

và H đã dùng tô vít cạy cốp xe AirBlade phát hiện trong cốp xe có 01 sổ hộ khẩu chủ hộ mang tên Nguyễn Đức Úy; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy mang tên Nguyễn Đức T và 01 đăng ký xe máy BKS: 17B5 – 567.25 mang tên Nguyễn Đức T. Sáng ngày 31/03/2021, S và H mang xe máy ra cửa hàng sửa xe của anh Nguyễn Xuân Đua – sinh 1989 trú tại tổ 14 D, B, Hà Nội để sửa khóa. Sau khi sửa xong khóa, khoảng 15 giờ ngày 31/03/2021, H và S điều khiển xe máy AirBlade sang khu vực Mỹ Đình để bán nhưng chưa kịp bán thì bị cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện và bắt giữ. Các dụng cụ tua vít và kìm đa năng sử dụng để cắt khóa được S để trong cốp chiếc xe Wave màu đen để tại nhà của S sau đó được Lương Hồ D (người chung sống như vợ chồng với S) giao nộp cho cơ quan CSĐT – Công an Huyện L.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ của Nguyễn S gồm: 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn S; 01 CMTND mang tên Nguyễn S; 01 đăng ký xe máy BKS: 29V5 – 348.84 mang tên Nguyễn Đức Tú; 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Hà Anh; 01 thẻ ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn S; 01 ĐTDĐ Redmi màu đen lắp sim liên lạc, đã qua sử dụng; 01 ĐTDĐ Nokia màu đỏ lắp sim liên lạc, đã qua sử dụng và số tiền 10.000.000đ. Thu giữ của Nguyễn Văn H gồm: 01 xe máy Honda Airblade màu đen – vàng – đồng BKS: 17B5 – 567.25; 01 sổ hộ khẩu chủ hộ mang tên Nguyễn Đức Úy; 01 đăng ký xe máy BKS: 17B5 – 567.25 mang tên Nguyễn Đức T và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy mang tên Nguyễn Đức T.

Ngoài ra, cơ quan CSĐT – Công an huyện L còn thu giữ của chị Lương Hồ D– Sinh 1990 trú tại tổ 20, M, B Hà Nội: 01 xe máy Honda Wave S màu đen, BKS: 30K1 – 4xxx; 01 tua vít, phần chuôi cầm màu đen, phần đầu kim loại đã cũ; 01 chiếc kìm bằng kim loại đã cũ; thu giữ của anh Nguyễn Đức T: 01 chiếc khóa dây màu đỏ bằng kim loại, vỏ bằng nhựa đã cũ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 67/KL – HĐĐG ngày 14/04/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, BKS: 17B5 – 567.25 đã qua sử dụng có giá trị: 33.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 110/CT-VKS-GL ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố các bị cáo Nguyễn S và Nguyễn Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với bị cáo S); Điều 56 (đối với bị cáo H) Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn S từ 27 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2021.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H từ 24 đến 27 tháng tù. Tổng hợp 15 tháng tù theo Bản án số 28/2021/HSST ngày 01/03/2021 của Tòa án nhân quận B, Thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 39 đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật tố hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 tua vít, một kim, 01 khóa dây không còn giá trị sử dụng; các tài sản khác trả lại chủ sử dụng.

Về dân sự: Không phải giải quyết.

Ý kiến của các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện L, Thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại; người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; B bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp; Kết luận định giá tài sản và các tài

liệu; chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 30/03/2021 tại khu nhà trọ ở ngõ 15 Ngõ Q, thị trấn U, L, Hà Nội, Nguyễn S và Nguyễn Văn H đã trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Đức T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, BKS: 17B5 – 567.25 đã qua sử dụng có giá trị: 33.000.000 đồng. Vì vậy, các bị cáo phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn S có vai trò là người khởi xướng, thực hành tích cực; bị cáo Nguyễn Văn H thực hành vi tích cực.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân của bị cáo S có hai tiền án: Bản án số 42/2010/HSST ngày 10/3/2010 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hà Nội xử bị cáo 05 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản. Ra trại ngày 12/06/2014 (bản án này đã được xóa án tích); Bản án số 161/2018/HSST ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hà Nội xử bị cáo 28 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ra trại ngày 14/5/2020 (chưa được xóa án tích) nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; tiền sự: Ngày 01/7/2017, Công an phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy mức phạt 1.500.000 đ (đã nộp) tiền sự này đã được xóa.

Nhân thân của bị H có hai tiền án: Bản án số 304/2016/HSST ngày 16/12/2016 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 28 tháng tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy (ra trại ngày 15/8/2018), chưa được xóa án tích. Bản án số 28/2021/HSST ngày 01/03/2021 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Bản án xác định bị cáo tái phạm (ngày phạm tội 23/6/2020). Ngày 30/3/2021 bị cáo lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do bản án số 28/2021/HSST ngày 01/03/2021 chưa có hiệu lực pháp luật nên lần phạm tội mới này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm nguy hiểm mà chỉ phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm do Bản án số 304/2016/HSST ngày 16/12/2016 bị cáo chưa được xóa án tích; 01 tiền sự ngày

20/5/2015 bị Công an phường T xử phạt hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã hết thời hiệu).

Từ những phân tích trên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo các bị cáo ý thức chấp hành pháp luật góp phần đấu tranh phòng và chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3]. Về vật chứng:

- Đối với 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Hà Anh; 01 ĐTDĐ Redmi màu đen lắp sim liên lạc, đã qua sử dụng và số tiền 10.000.000đ thu giữ của Nguyễn S xác định đây là tài sản của chị Lương Hồ D không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho chị D.

- Đối với 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn S; 01 CMTND mang tên Nguyễn S; 01 thẻ ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn S; 01 ĐTDĐ Nokia màu đỏ lắp sim liên lạc, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn S xác định đây là tài sản của S không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại bị cáo;

- Đối với 01 tua vít; 01 chiếc kìm bằng kim loại đã cũ thu giữ của Nguyễn Văn H xác định đây là công cụ S và H sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và 01 khóa dây của anh T, anh T không yêu cầu lấy lại. Những tài sản này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 xe máy Honda Wave S màu đen, BKS: 30K1 – 4xxx (SM: 0504612; SK: 003015, không phải là xe tang vật) thu giữ của Nguyễn Văn H, quá trình điều tra xác định xe đứng tên đăng ký là chị Phạm Thị Hương – sinh 1986 trú tại tổ 4, Thạch Bàn, B, Hà Nội. Chị Hương khai báo: Chị mua và đứng tên đăng ký chiếc xe máy Honda Wave S màu đen, BKS: 30K1 – 4xxx vào năm 2009. Năm 2016, do không có nhu cầu sử dụng nên chị Hương đã cho anh Nguyễn Xuân B – sinh 1978 trú tại tổ 4, Thạch Bàn, B, Hà Nội (anh chồng chị Hương) chiếc xe máy này. Anh B khai báo: Khoảng đầu tháng 04/2021, anh B vay của Nguyễn S số tiền 2.500.000đ, không viết giấy tờ vay nợ và để lại chiếc xe máy Honda Wave S màu đen, BKS: 30K1 – 4xxx cho S, khi nào anh B trả tiền sẽ lấy lại xe. Anh B không biết S đã sử dụng chiếc xe máy này để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 25/05/2021, anh B đã trả số tiền nợ 2.500.000đ cho chị Lương Hồ D – chung sống như vợ chồng với S và đề nghị xin lại chiếc xe máy Honda Wave S màu đen, BKS: 30K1 – 4xxx để đi lại hàng ngày. Do đó, trả lại cho anh B sử dụng;

- Đối với 01 đăng ký xe máy BKS: 29V5 – 348.84 mang tên Nguyễn Đức Tú, quá trình điều tra xác định anh Nguyễn Đức Tú – sinh 1993 HKTT: Cụm 6, Khu Phố, TT Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội là chủ đăng ký chiếc xe máy Exciter BKS: 29V5 – 348.84. Anh Tú khai báo: Năm 2017, anh Tú mua và đứng tên đăng ký chiếc xe máy này. Sau đó, khoảng tháng 01/2021, anh Tú đã bán chiếc xe máy này cùng giấy tờ xe cho một người đàn ông không quen biết. Lời khai của S và Lương Hồ D thể hiện: Chiếc xe máy Exciter BKS: 29V5 – 348.84 được S và D mua của một người đàn ông không quen biết. Sau đó, D sử dụng chiếc xe trên để đi lại hàng ngày. Ngày 31/03/2021, D nhờ S cầm hộ 01 đăng ký xe máy BKS: 29V5 – 348.84 mang tên Nguyễn Đức Tú. Nên trả lại chị D 01 đăng ký xe máy BKS: 29V5 – 348.84 mang tên Nguyễn Đức Tú.

[4]. Về dân sự: Chiếc xe máy Honda Airblade màu đen – vàng – đồng BKS: 17B5 – 567.25; 01 sổ hộ khẩu chủ hộ mang tên Nguyễn Đức Úy; 01 đăng ký xe máy BKS: 17B5 – 567.25 mang tên Nguyễn Đức T và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy mang tên Nguyễn Đức T thu giữ của Nguyễn Văn H, quá trình điều tra, xác định đây là số tài sản mà Nguyễn S và Nguyễn Văn H trộm cắp của anh Nguyễn Đức T. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện L đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả những tài sản trên cho anh T. Anh T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác nên không phải giải quyết.

[5]. Về vấn đề khác:

- Đối với anh Nguyễn Xuân Đua là người sửa khóa chiếc xe máy BKS: 17B5 – 567.25 cho S, nhưng anh Đua không biết là chiếc xe máy do S trộm cắp được nên cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện L không đặt vấn đề xử lý đối với anh Đua là có cơ sở.

- Đối với chị Lương Hồ D là người chung số như vợ chồng với S, chị D không biết việc S thực hiện hành vi trộm cắp nên cơ quan CSĐT – Công an huyện L không đặt vấn đề xử lý đối với chị D là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn S và Nguyễn Văn H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, Điều 58; Điều 56 (đối với bị cáo H) Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn S 27 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2021.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 27 tháng tù. Tổng hợp 15 tháng tù theo Bản án số 28/2021/HSST ngày 01/03/2021 của Tòa án nhân quận B. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật tố hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại: 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Hà Anh; 01 ĐTDĐ Redmi màu đen lắp sim liên lạc, đã qua sử dụng, số tiền 10.000.000đ, 01 đăng ký xe máy BKS: 29V5 – 348.84 mang tên Nguyễn Đức Tú cho chị Lương Hồ D;

- Trả lại bị cáo Nguyễn S: 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn S; 01 CMTND mang tên Nguyễn S; 01 thẻ ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn S; 01 ĐTDĐ Nokia màu đỏ lắp sim liên lạc;

- Trả lại: 01 xe máy Honda Wave S màu đen, BKS: 30K1 – 4xxx (SM: 0504612; SK: 003015) cho anh Nguyễn Xuân B;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 tua vít, phần chuỗi cầm màu đen, phần đầu kim loại đã cũ; 01 chiếc kìm bằng kim loại đã cũ; 01 khóa dây màu đỏ, bằng kim loại, vỏ bằng nhựa, đã cũ.

Những vật chứng trên thể hiện tại B bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 15/6/2021 giữa Công an huyện L và Chi cục Thi hành án dân sự huyện L và B lai thu tiền số 0054785 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Các bị cáo, chị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án; anh T, anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- TAND TP. Hà Nội;
- Sở Tư pháp Hà Nội;
- Công an, VKSND, THADS h: L;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Quang